

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

LƯƠNG TUẤN ĐỨC

**TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH THEO TIÊU CHÍ
KIỂM ĐỊNH TRƯỜNG NGHỀ TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG
NGHỀ CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG BẮC NINH**

Chuyên ngành: QUẢN LÝ GIÁO DỤC

Mã số: 60 14 01 14

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. TRẦN QUỐC THÀNH

THÁI NGUYÊN - 2013

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan những gì viết trong luận văn là do sự tìm tòi, học hỏi và nghiên cứu của bản thân và sự hướng dẫn tận tình của PGS.TS Trần Quốc Thành.

Luận văn này cho đến nay chưa được bảo vệ tại bất kỳ Hội đồng nào và cũng chưa hề được công bố trên bất kỳ phương tiện nào.

Tác giả xin chịu trách nhiệm về những lời cam đoan trên.

Thái Nguyên, tháng 8 năm 2013

Tác giả

Lương Tuấn Đức

LỜI CẢM ƠN

Với tất cả tình cảm của mình, tác giả xin bày tỏ lòng biết ơn tới Ban giám hiệu; các thầy, cô khoa Tâm lý giáo dục trường Đại học sư phạm - Đại học Thái nguyên; đồng thời tác giả bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới thầy giáo hướng dẫn PGS.TS. Trần Quốc Thành - Khoa Tâm lý giáo dục trường Đại học sư phạm Hà Nội đã tận tình hướng dẫn trong suốt thời gian tác giả thực hiện đề tài này.

Trong quá trình thực hiện đề tài, tác giả còn nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của Tổng cục dạy nghề - Bộ Lao động - Thương binh và xã hội; Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh Bắc Ninh, Cục thống kê tỉnh Bắc Ninh, Trường Cao đẳng nghề Cơ điện và xây dựng Bắc Ninh và các phòng, khoa, bộ môn, trung tâm của Trường Cao đẳng nghề cơ điện và xây dựng Bắc Ninh, các bạn đồng nghiệp và người thân đã giúp đỡ và tạo điều kiện để tác giả hoàn thành bản luận văn.... Tác giả xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ quý báu đó.

Dù đã có nhiều cố gắng, song luận văn chắc không thể tránh khỏi thiếu sót và hạn chế; tác giả rất mong nhận được sự chỉ dẫn và những ý kiến đóng góp quý báu của các thầy cô giáo và các bạn đồng nghiệp.

Thái Nguyên, tháng 8 năm 2013

Tác giả

Lương Tuấn Đức

MỤC LỤC

Lời cam đoan.....	i
Lời cảm ơn	ii
Mục lục	iii
Danh mục các chữ viết tắt.....	iv
Danh mục các bảng, biểu đồ, hình	v
MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Mục đích nghiên cứu	3
3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu.....	3
4. Giả thiết khoa học.....	3
5. Nhiệm vụ nghiên cứu.....	3
6. Giới hạn phạm vi nghiên cứu	4
7. Phương pháp nghiên cứu	4
8. Cấu trúc luận văn.....	5
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGHỀ VÀ KIỂM ĐỊNH TRƯỜNG NGHỀ	6
1.1. Sơ lược lịch sử vấn đề nghiên cứu	6
1.2. Một số khái niệm cơ bản của đề tài	7
1.2.1. Quản lý	7
1.2.2. Chất lượng	8
1.2.3. Chất lượng đào tạo	9
1.2.4. Quản lý chất lượng đào tạo	10
1.3. Hệ thống quản lý chất lượng đào tạo	11
1.3.1. Một số quan điểm về quản lý chất lượng.....	11
1.3.2. Hệ thống quản lý chất lượng và hệ thống quản lý chất lượng đào tạo	12
1.3.3. Một số mô hình kiểm tra, mô hình quản lý chất lượng	14
1.3.4. Kiểm định chất lượng đào tạo	16



1.3.5. Đánh giá chất lượng đào tạo.....	18
1.4. Đào tạo nghề và các tiêu chí đánh giá chất lượng đào tạo nghề.....	19
1.4.1. Đào tạo nghề.....	19
1.4.2. Hệ thống tiêu chí đánh giá chất lượng đào tạo nghề.....	25
1.5. Kiểm định và tiêu chí kiểm định chất lượng trường nghề.....	26
1.5.1. Kiểm định chất lượng trường nghề.....	26
1.5.2. Nguyên tắc kiểm định chất lượng dạy nghề.....	27
1.5.3. Mục đích tự kiểm định chất lượng dạy nghề.....	27
1.5.4. Nhiệm vụ của Nhà trường khi tự kiểm định chất lượng dạy nghề.....	27
1.5.5. Tiêu chí kiểm định chất lượng trường nghề.....	29
1.5.6. Quy trình tự kiểm định.....	29
1.5.7.....	34
Kết luận chương 1.....	35
Chương 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGHỀ TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG BẮC NINH.....	
2.1. Khái quát về trường Cao đẳng nghề Cơ điện và xây dựng Bắc Ninh.....	36
2.1.1. Khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của trường.....	36
2.1.2. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường.....	36
2.1.3. Các nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường.....	38
2.1.4. Cơ sở vật chất và tài chính.....	39
2.2. Thực trạng quản lý đào tạo của trường.....	40
2.2.1. Công tác tuyển sinh.....	41
2.2.2. Lập kế hoạch đào tạo.....	43
2.2.3. Điều hành quá trình đào tạo.....	45
2.2.4. Quản lý chương trình đào tạo.....	47
2.2.5. Quản lý hoạt động giảng dạy của giáo viên.....	49
2.2.6. Quản lý công tác giáo dục học sinh, sinh viên.....	51

2.2.7. Quản lý kiểm tra đánh giá quá trình đào tạo.....	53
2.3. Thực trạng quản lý chất lượng đào tạo của nhà trường.....	55
2.3.1. Ban hành quy chế.....	55
2.3.2. Phối hợp của các đoàn thể nhằm nâng cao chất lượng đào tạo	57
2.3.3. Đánh giá chung về công tác quản lý chất lượng đào tạo	61
Kết luận chương 2	63
Chương 3: TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG BẮC NINH THEO CÁC TIÊU CHÍ KIỂM ĐỊNH TRƯỜNG NGHỀ.....	
3.1. Điều kiện triển khai kiểm định	64
3.1.1. Cam kết của lãnh đạo nhà trường	64
3.1.2. Yếu tố con người cho công tác tự kiểm định Trường	64
3.1.3. Quy mô và điều kiện nhằm đáp ứng cho công tác tự kiểm định Trường.	64
3.2. Phương pháp và trình tự tự kiểm định trường.....	64
3.3. Đánh giá trường Cao đẳng nghề Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh chi tiết theo tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường nghề	65
3.3.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu và nhiệm vụ.....	66
3.3.1. Tiêu chí 2: Tổ chức và quản lý.....	66
3.3.3. Tiêu chí 3: Hoạt động dạy và học.....	68
3.3.4. Tiêu chí 4: Giáo viên và cán bộ quản lý	69
3.3.5. Tiêu chí 5: Chương trình, giáo trình.....	70
3.3.6. Tiêu chí 6: Thư viện.....	71
3.3.7. Tiêu chí 7: Cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học	72
3.3.8. Tiêu chí 8: Quản lý tài chính.....	75
3.3.9. Tiêu chí 9: Các dịch vụ cho người học nghề	77
3.5. Xác định những điểm mạnh, điểm tồn tại chính của trường Cao đẳng nghề Cơ điện và xây dựng Bắc Ninh và đề xuất các kiến nghị	78
3.5.1. Điểm mạnh chủ yếu của Trường	78

3.5.2. Diềm tồn tại chủ yếu của Trường	80
3.5.3. Đề xuất, kiến nghị	81
3.6. Kết quả khảo nghiệm tính cần thiết và khả thi của việc tổ chức kiểm định chất lượng Trường	83
Kết luận chương 3	85
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	86
1. Kết luận	86
2. Khuyến nghị	88
2.1. Với nhà trường Cao đẳng nghề Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh	88
2.2. Với Tổng cục dạy nghề	89
TÀI LIỆU THAM KHẢO	90
PHỤ LỤC	93

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Nguyên nghĩa
CBQL	Cán bộ quản lý
CSDN	Cơ sở dạy nghề
CDN	Cao đẳng nghề
TCN	Trung cấp nghề
SCN	Sơ cấp nghề
HSSV	Học sinh, sinh viên
MC	Minh chứng
LT và TH	Lý thuyết và thực hành
THPT	Trung học phổ thông
THCS	Trung học cơ sở
SL	Số lượng
GCNĐKDN	Giấy chứng nhận đăng ký dạy nghề
KTCTTL	Khai thác công trình thủy lợi
GC	Gia công
SP	Sản phẩm
GV	Giáo viên
KTML, ĐHKK	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí
TN	Thanh niên
QL	Quản lý
KĐCL	Kiểm định chất lượng
BCH	Ban chấp hành
LĐVN	Lao động Việt Nam
PTNT	Phát triển nông thôn

DANH MỤC CÁC BẢNG, HÌNH

Bảng 2.1. Tổng hợp kết quả khảo sát điều tra người sử dụng lao động do nhà trường đào tạo	59
Hình 1.1: Sơ đồ quan niệm về chất lượng đào tạo	10
Hình 1.2: Biểu đồ nhân quả của Ishikawa.....	13
Hình 1.3: Sơ đồ đánh giá trong giáo dục đào tạo.....	19
Hình 1.4 : Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo	22
Hình 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường	37
Hình 2.2: Biểu đồ đánh giá công tác tuyển sinh	42
Hình 2.3: Biểu đồ đánh giá công tác lập kế hoạch đào tạo	45
Hình 2.4: Biểu đồ đánh giá công tác chỉ đạo quá trình đào tạo.....	47
Hình 2.5: Biểu đồ đánh giá công tác quản lý chương trình.....	48
Hình 2.6: Biểu đồ đánh giá hoạt động chuyên môn của giáo viên.....	51
Hình 2.7: Biểu đồ đánh giá công tác quản lý giáo dục HSSV	52
Hình 2.8: Biểu đồ đánh giá công tác kiểm tra đánh giá quá trình đào tạo	55
Hình 2.9: Biểu đồ đánh giá sự phối hợp các hoạt động của đoàn thể nhằm nâng cao chất lượng đào tạo	58
Hình 2.10: Biểu đồ đánh giá công quản lý chất lượng đào tạo	62
Hình 3.1: Biểu đồ tương quan tính khả thi và tính cần thiết tổ chức kiểm định chất lượng Nhà trường	84

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Sau gần 30 năm đổi mới, đất nước ta đã có những thay đổi rất căn bản. Những năm tới là giai đoạn kinh tế nước ta tiếp tục phục hồi, lấy lại đà tăng trưởng sau thời kỳ suy giảm; sẽ thực hiện nhiều hơn các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương; khắc phục những hạn chế, yếu kém trong các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội, Tuy nhiên sản xuất chủ yếu là nông nghiệp với một số tồn tại đó là: Cơ cấu kinh tế nông nghiệp chuyển biến chậm, chưa theo sát được với thị trường, tình hình sản xuất nông nghiệp còn phân tán, công nghiệp hoá nông thôn phát triển chậm, dịch vụ và ngành nghề chưa thu hút được lao động, khoa học công nghệ còn lạc hậu, lao động phổ biến là thủ công, tỷ lệ lao động qua đào tạo còn thấp, lao động nông thôn thiếu việc làm do chuyển đổi đất nông nghiệp thành các khu đô thị và công nghiệp. Đời sống vật chất, văn hoá cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống ở một số vùng còn thấp, tỷ lệ hộ nghèo còn cao.

Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XI đề ra phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội giai đoạn 2010-2015 là “*Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm 2011 - 2015 : 7,0 - 7,5%/năm. Giá trị gia tăng công nghiệp - xây dựng bình quân 5 năm tăng 7,8 - 8%; giá trị gia tăng nông nghiệp bình quân 5 năm 2,6 - 3%/năm. Cơ cấu GDP : nông nghiệp 17 - 18%, công nghiệp và xây dựng 41 - 42%, dịch vụ 41 - 42%; sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao đạt 35% tổng GDP; tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt 55%. Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 12%/năm, giảm nhập siêu, phấn đấu đến năm 2020 cân bằng được xuất nhập khẩu. Vốn đầu tư toàn xã hội bình quân 5 năm đạt 40% GDP. Tỉ lệ huy động vào ngân sách nhà nước đạt 23 - 24% GDP; giảm mức bội chi ngân sách xuống 4,5% GDP vào năm 2015. Giải quyết việc làm cho 8 triệu lao động. Tỉ trọng lao động nông - lâm - thủy sản năm 2015 chiếm 40 - 41% lao động xã hội. Thu nhập của người dân nông thôn tăng*